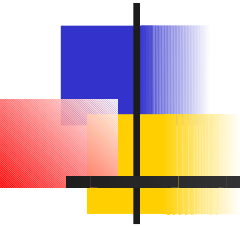


TÍN DỤNG NGẮN HẠN VÀ TÀI TRỢ KINH DOANH





NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TÍN DỤNG NGẮN HẠN

- Cơ sở pháp lý
- Phạm vi áp dụng
- Nguyên tắc của tín dụng ngắn hạn
- Điều kiện tín dụng ngắn hạn
- Đối tượng cho vay
- Lãi suất cho vay
- Quy trình cho vay



Cơ sở pháp lý

- Luật tổ chức tín dụng: Luật số 02/1997/Q10
- Các nghị định của Chính phủ hướng dẫn thực hiện luật tổ chức tín dụng
- Quy chế cho vay theo quyết định của Thống đốc NHNN Việt Nam



Phạm vi áp dụng

- Bên cho vay: là các TCTD được thành lập, được cấp giấy phép hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam theo quy định của Luật TCTD thì được huy động vốn ngắn hạn và cho vay ngắn hạn, bao gồm:
 - NHTM quốc doanh
 - NHTM cổ phần
 - NHLĐ
 - Chi nhánh ngân hàng nước ngoài
 - Công ty tài chính
 - Quỹ tín dụng nhân dân
 - HTX tín dụng
- Bên đi vay: là những pháp nhân, thể nhân hoạt động SXKD theo đúng pháp luật Việt Nam, bao gồm:
 - DNNN
 - CTCP, Công ty TNHH, HTX, DNTN, XNLD, XN 100% vốn nước ngoài
 - Hộ gia đình và thể nhân đủ điều kiện vay vốn.



Nguyên tắc của tín dụng ngắn hạn

- Sử dụng đúng mục đích đã thỏa thuận trong HĐTD và có hiệu quả
- Hoàn trả đủ cả vốn gốc và lãi theo đúng thời hạn đã cam kết trong HĐTD



Điều kiện vay vốn

- Có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự và chịu trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật
- Có khả năng tài chính đảm bảo trả nợ trong thời hạn cam kết
- Có mục đích sử dụng vốn hợp pháp
- Thực hiện các quy định về bảo đảm tiền vay theo đúng quy định của pháp luật.



Đối tượng cho vay của tín dụng ngắn hạn

- Giá trị vật tư hàng hóa (kể các thuế GTGT) và các khoản chi phí để thực hiện các phương án SXKD
- Các nhu cầu tài chính hợp lý, gồm:
 - Thuế XNK để làm thủ tục XNK, nếu giá trị lô hàng XNK đó được hình thành bằng vốn vay của ngân hàng đó.
 - Lãi vay phát sinh trong thời gian thi công
- Các đối tượng không cho vay, gồm;
 - Số tiền để trả gốc và lãi cho các TCTD khác
 - Số lãi vay phải trả cho chính TCTD cho vay vốn.



Lãi suất và thời hạn cho vay

- Lãi suất cho vay:
 - Do NHTM với khách hàng thỏa thuận ghi trong HĐTD.
 - Giám đốc Ngân hàng cho vay xác định và công bố công khai lãi suất cho vay theo từng loại khách hàng, từng đối tượng cho vay.
- Thời hạn cho vay: được căn cứ vào các yếu tố sau:
 - Chu kỳ SXKD
 - Thời hạn thu hồi vốn của thương vụ hoặc của phương án SXKD.
 - Khả năng trả nợ của khách hàng
 - Khả năng và mức cho vay của ngân hàng.
 - => thời hạn cho vay không quá 12 tháng.



Quy trình cho vay

- **Bước 1: tiếp xúc và hướng dẫn khách hàng**
 - Tìm hiểu những vấn đề khách hàng trình bày và tư cách pháp lý của khách hàng.
 - Tình hình hoạt động SXKD của khách hàng
 - Năng lực tài chính của khách hàng.
 - Khả năng vay vốn, tài sản thế chấp, cầm cố.
 - Đề nghị khách hàng cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan.
- **Bước 2: thẩm định tín dụng ngắn hạn**
 - Thẩm định điều kiện pháp lý
 - Thẩm định điều kiện kinh tế tài chính của khách hàng
- **Bước 3: Giải ngân**
 - Chuyển khoản
 - Tiền mặt



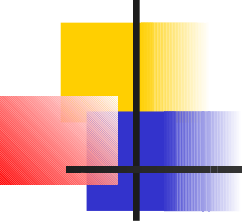
Thẩm định điều kiện pháp lý

■ Nếu pháp nhân

- Quyết định thành lập
- Quyết định bổ nhiệm hoặc chuẩn y danh sách HĐQT, giám đốc, kế toán trưởng.
- Giấy phép đăng ký kinh doanh
- Trụ sở đơn vị, con dấu, tài khoản

■ Nếu thể nhân

- Còn đủ năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự
- Có hộ khẩu thường trú, CMND,...



Thẩm định điều kiện kinh tế tài chính của khách hàng

- Thẩm định kế hoạch SXKD hoặc phương án sử dụng vốn của khách hàng.
 - Tính ổn định của nguồn cung ứng vật tư và thị trường tiêu thụ sản phẩm.
 - Tính khả thi của phương án SXKD và phương án sử dụng vốn.
 - Tính hiệu quả của kế hoạch SXKD
- Thẩm định và đánh giá tình hình tài chính của khách hàng
 - Chỉ tiêu hoạt động
 - Chỉ tiêu thanh khoản
 - Chỉ tiêu cơ cấu tài chính
 - Chỉ tiêu phản ánh hiệu quả kinh doanh



Thẩm định theo tiêu chuẩn 5 C

- Character – tính cách của người đi vay
- Capacity – năng lực trả nợ của khách hàng
- Capital – vốn
- Collateral – bảo đảm tiền vay
- Conditions – điều kiện



Thẩm định theo tiêu chuẩn 5 P

- Purpose – Mục đích
- Payment – thanh toán
- Protection – bảo hộ (bảo vệ)
- Policy – chính sách
- Pricing – định giá



Các ngân hàng đưa ra tiêu chuẩn cụ thể bằng cách chấm điểm xếp hạng để quyết định cho vay

- M.Altman đã đưa ra thang điểm theo công thức:
- (Hàm Z-score): $Z = R1 + R2 + R3 + R4 + R5$
- $Z > 2,675$ điểm – doanh nghiệp loại I (tốt)
- $1,8 < Z \leq 2,675$ – doanh nghiệp loại II (trung bình)
- $Z < 1,8$ – doanh nghiệp loại III (xấu)
- Số liệu tính toán là từ bảng cân đối kế toán, báo cáo tài chính của doanh nghiệp.



Trong đó R1, R2, R3, R4, R5 được xác định như sau:

$$R1 = \frac{\text{Vốn hữu hạn}}{\text{Tổng tài sản}}$$

$$R2 = \frac{\text{Lãi ròng}}{\text{Tổng tài sản}}$$

$$R3 = \frac{\text{Lãi trước thuế}}{\text{Tổng tài sản}}$$

$$R4 = \frac{\text{Giá trị ròng}}{\text{Giá trị tài sản}}$$

$$R5 = \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Tổng tài sản}}$$



CHO VAY THEO HẠN MỨC TÍN DỤNG

- Cho vay theo HMTD là số dư nợ cao nhất mà ngân hàng cam kết sẽ thực hiện cho khách hàng, có hiệu lực trong một thời gian nhất định. HMTD được xác định trên cơ sở nhu cầu vay và khả năng đáp ứng của ngân hàng. Khi đã được NH ấn định HMTD thì khách hàng được quyền vay vốn với số dư trong phạm vi HMTD. Nếu KH vay trả nhiều đợt trong kỳ thì doanh số cho vay có thể vượt quá HMTD nhiều lần.



Hồ sơ vay vốn

- Hồ sơ pháp lý
 - Quyết định thành lập
 - Quyết định bổ nhiệm giám đốc, kế toán trưởng
 - Giấy phép kinh doanh
- Hồ sơ thế chấp, cầm cố, bảo lãnh
- Hồ sơ liên quan đến hoạt động SXKD, kinh tế tài chính
 - Báo cáo kế toán 3 kỳ gần nhất
 - Kế hoạch vay vốn ngắn hạn (do bên vay lập và phản ánh các chỉ tiêu sau:)
 - Doanh thu, tổng chi phí SXKD kỳ kế hoạch
 - Tốc độ luân chuyển vốn lưu động
 - Nhu cầu vốn lưu động kỳ kế hoạch
 - Vòng quay vốn lưu động kỳ kế hoạch phải tính theo kỳ trước
 - Nguồn vốn kinh doanh ngắn hạn
 - Nguồn vốn coi như tự có
 - Nguồn vốn khác



Hạn mức tín dụng ngắn hạn được tính theo công thức sau:

$$\text{HMTD} = \text{Nhu cầu VLĐ kỳ kế hoạch} - \text{VLĐ ròn} - \text{Nguồn vốn coi như tự có} - \text{Nguồn vốn khác}$$

$$\text{Nhu cầu VLĐ kỳ kế hoạch} = \frac{\text{Tổng chi phí SXKD (doanh thu theo giá vốn kỳ kế hoạch)}}{\text{Vòng quay vốn lưu động kỳ kế hoạch}}$$

Hạn mức tín dụng mà ngân hàng cấp là giới hạn của các giới hạn sau:

- Giới hạn bởi nhu cầu vay của khách hàng

Nhu cầu

$$\text{vay của khách hàng} = \frac{\text{Tổng chi phí sản xuất} - \text{Vốn cố định}}{\text{Vòng quay vốn lưu động}} - \text{Vốn cố định}$$

khả năng

- Giới hạn bởi nguồn vốn của ngân hàng
- Giới hạn bởi các biện pháp nhằm hạn chế rủi ro

Ví dụ 1

- ✦ DN A vay yêu cầu thực hiện khoản vay ứng trước.
- ✦ Tổng nhu cầu vốn là 1.800 tr, giá trị tài sản thế chấp là 375 tr, vốn của doanh nghiệp tham gia phương án là 1.400 triệu. Trong đó vốn tự có là 700 triệu và vốn tự có của ngân hàng là 1000 tỷ.
- ✦ Ngày 1/4 DN ứng trước đợt đầu tiên cho thương vụ mục đích ứng trước: mua 1 TSCĐ 50 tr và mua hàng hoá NVL là 150 tr. Kế hoạch bán hàng hoá của thương vụ như sau: T4 – 500, T5 – 700, T6 – 2.00 triệu.
 - Hãy xác định hạn mức tín dụng cấp cho phương án.
 - Hãy xác định số tiền vay ngày 1/4
 - Xác định kỳ hạn nợ cho khoản vay ngày 1/4 .
- ✦ Biết rằng: Thời hạn cho vay tối đa đối với thương vụ là 3 tháng. Nguồn vốn ngân hàng đủ đáp ứng phương án. Các giới hạn cho vay tối đa của NH là trên vốn tự có của NH là 10%, trên vốn tự có của DN là 100% , trên giá trị TS thế chấp là 70%.



Ví dụ 2

- Một DN yêu cầu ứng trước ở NH 1 thương vụ số liệu liên quan đến thương vụ như sau:
- Nhu cầu vốn của thương vụ là 1240 tr; vốn tự có của DN tham gia thương vụ là 780 tr; vốn tự có của Nh là 20000 tr; hạn mức tín dụng đã ký trong HĐTD 440.
- Các tỷ lệ quy định của NH về mức cho vay tối đa như sau: so với vốn tự có của DN là 100%; so với giá trị TS thế chấp là 80%; so với vốn tự có của NH là 10%; nguồn vốn của Nh đủ để đáp ứng nhu cầu của thương vụ
- Yêu cầu: a. Hãy cho lập luận để xác định TS thế chấp mà DN đã giao cho NH.
b. Nếu TS thế chấp tăng gấp đôi thì HMTD cho thương vụ là bao nhiêu.

Ví dụ 3

- DN yêu cầu ứng trước cho thương vụ có số liệu liên quan như sau:
 - Nhu cầu vốn 2480 tr; vốn của DN tham gia thương vụ 1560 tr.
 - Trong đó vốn tự có 700 triệu. DN giao bộ hồ sơ pháp lý đất đai để thế chấp cho món vay trị giá 1500. Ngày 1/4 DN có nhu cầu chi: mua NVL 200; nộp thuế 75 tr. Kế hoạch bán hàng của thương vụ T4 – 330 tr; T5 – 250 tr; T6 – 600. Ngày 1/5 NH tái xét thấy có 30 tr DN đã dùng tiền vay để mua NVL không thuộc phương án vay.
- Yêu cầu:
 - a. Xác định HMTD cho thương vụ
 - b. XĐ số tiền cho vay và xác định kỳ hạn trả nợ cho nhu cầu vay ngày 1/4
 - c. Giải quyết tình huống ngày 1/5
- Biết rằng: Nguồn vốn ngân hàng đáp ứng đủ. Vốn điều lệ của ngân hàng 700 tỷ. Tỷ lệ cho vay tối đa trên TS thế chấp là 70%; trên vốn điều lệ của ngân hàng là 15% và trên vốn tự có của DN là 100%. KH trả tiền hàng tháng trên tiền bán hàng theo tỷ lệ vốn NH tham gia vào thương vụ.



Phương pháp cho vay

- Sau khi HMTD đã được xác định cho khách hàng vay vốn, ngân hàng có thể áp dụng một trong hai cách cho vay và thu nợ sau:
- Cho vay luân chuyển (cho vay HMTD thường xuyên)
- Cho vay theo số dư (cho vay HMTD không thường xuyên)



CÁC BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM TÍN DỤNG

- Thẻ chấp
- Cầm cố
- Bảo lãnh
- Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay
- Sổ dư bù
- Tín chấp
- Đặt cọc, ký cược, ký quỹ



Cho vay HMTD thường xuyên

- Áp dụng cho các trường hợp
 - Có nhu cầu vay vốn thường xuyên
 - Hoạt động SXKD có lãi ổn định, vững chắc
 - Có uy tín trong giao dịch, quản lý tốt
 - Tốc độ luân chuyển vốn lưu động nhanh
- Đặc điểm cho vay
 - Tham gia vào các khâu trong quá trình SXKD
 - Vốn phát sinh theo nhu cầu của tuần hoàn vốn mà không phụ thuộc vào dự trữ vật tư
 - Thủ tục vay đơn giản, tạo điều kiện cho DN có vốn kịp thời.



Cách cho vay luân chuyển

- Sau khi HMTD đã được duyệt, mỗi lần có nhu cầu vốn phát sinh DN chỉ cần gửi đến ngân hàng các chứng từ hóa đơn, chứng từ thanh toán thì sẽ được NH giải ngân nếu chứng từ hợp lệ.
- Tiền vay sẽ được hạch toán bên nợ tài khoản vay để sử dụng theo các hướng sau:
 - Thanh toán trực tiếp cho người thụ hưởng
 - Chuyển vào TK tiền gửi của người đi vay
 - Giải ngân bằng tiền mặt
- Việc giải ngân được thực hiện theo tiến độ SXKD và thực hiện trong nhiều đợt trong một thời gian nhất định.
- Nếu HMTD đã hết mà DN vẫn phát sinh nhu cầu vay vốn thì ngân hàng có thể bổ sung hạn mức.



Thu nợ của cho vay luân chuyển

- Tất cả các khoản tiền thu bán hàng và phát sinh trong kỳ kinh doanh đều được sử dụng vào trả nợ vay luân chuyển theo hai cách
 - Thu theo định kỳ
 - Thu theo thực tế
- Các khoản thu bằng tiền mặt



Tính và thu lãi

- Tiền lãi cho vay luân chuyển được tính và thu mỗi tháng một lần.
- Thời điểm tính lãi vào ngày cuối tháng hoặc chọn một ngày nhất định
- Phương pháp tính lãi theo phương pháp tích số:

$$\text{Tiền lãi hàng tháng} = \text{Tổng số dư tính lãi} \times \frac{\text{Lãi suất cho vay tháng}}{30}$$



Công thức tính lãi theo tích số

- $I = \sum D_i N_i \times R/N$
- Trong đó:
 - I: tiền lãi
 - D_i : Dư nợ
 - N_i : Số ngày tính lãi
 - R: lãi suất cho vay
 - N: số ngày quy ước (30, 90, 360)



Ví dụ: tháng 12/2008 trên TK cho vay luân chuyển của công ty A có các số liệu sau:

Ngày tháng	Số dư
1/12	5600
6/12	6000
10/12	4900
14/12	4500
18/12	5500
23/12	600
26/12	5500
30/12	5000
31/12	5000

- Với lãi suất cho vay 1,2%/tháng. Hãy xác định lãi vay của công ty A trong tháng 12/2008.

Xác định tiền lãi phải thu của ngân hàng

Ngày tháng	Số dư Di	Số ngày Ni	Tích số Di x Ni
1/12	5.600	5	28.000
6/12	6.000	4	24.000
10/12	4.900	4	19.600
14/12	4.500	4	18.000
18/12	5.500	5	27.500
23/12	6.000	3	18.000
26/12	5.500	4	22.000
30/12	5.000	2	10.000
31/12	5.000	0	0
	Cộng		167.100

$$\text{Lãi tháng 12/2008} = 167.100 \times (1.2\%/30) = 66,84$$



Xác định vòng quay vốn tín dụng

- Cho vay luân chuyển NHTM không quy định thời hạn nợ mà chỉ yêu cầu khách hàng vay thực hiện đúng vòng quay vốn tín dụng đã cam kết.
- Vòng quay vốn TDTT nhỏ hơn Vòng quay vốn TDKH thì coi như DN đã trả nợ không đúng kỳ hạn và do đó phải chịu tiền phạt.

$$V_{\text{TDTT}} = \frac{\text{Doanh số trả nợ trong kỳ}}{\text{Mức dư nợ bình quân kỳ}}$$

$$\text{Mức dư nợ bình quân kỳ} = \frac{\sum D_i N_i}{N(90,360)}$$

- Doanh số trả nợ là số phát sinh bên có của tài khoản cho vay từ ngày đầu quý cho đến hết ngày cuối quý.



Tiền lãi phạt do không đảm bảo vòng quay tín dụng được tính như sau:

$$\text{Lãi phạt} = \left[\text{Mức DN BQ} - \left(\frac{N}{V_{\text{TDTT}}} - \frac{N}{V_{\text{TDKH}}} \right) \times \frac{\text{LS quá hạn} - \text{LS cho vay}}{30} \right] \times V_{\text{TDTT}}$$

- N: Số ngày quy ước trong kỳ (90, 180, 360)
- V_{TDTT} : Vòng quay tín dụng thực tế
- V_{TDKH} : Vòng quay tín dụng kế hoạch
- LS quá hạn: thường 100% lãi suất cho vay cao nhất.



Xử lý nợ cuối kỳ cho vay luân chuyển

- Thông thường cho vay luân chuyển NH sẽ ký với DN mỗi quý, hoặc 6 tháng, hoặc 1 năm một lần. Do đó, khi kết thúc quý, 6 tháng hoặc năm hiện hành thì NH cần xử lý số nợ vay luân chuyển cuối quý, 6 tháng hoặc năm thực tế trong các trường hợp sau:
- TH1: kỳ kế hoạch tiếp theo DN vẫn được cho vay luân chuyển:
 - Nếu HMTD lớn hơn dư nợ thực tế cuối kỳ NH không phải xử lý gì cả.
 - Nếu HMTD nhỏ hơn dư nợ thực tế thì số chênh lệch giữa thực tế với HMTD cần phải xử lý. Yêu cầu DN trả hết số chênh lệch.
 - Nếu DN không còn vố bằng tiền thì DN phải ký nhận nợ và cam kết trả hết trong vòng 1 tháng.
 - Nếu trong 1 tháng mà không trả hết thì sẽ chuyển sang nợ quá hạn và thông báo cho DN để xử phạt và tìm biện pháp trả nợ.
- TH2: Kỳ kế hoạch tiếp vì lý do nào đó mà DN không được vay luân chuyển thì toàn bộ số nợ thực tế còn lại 2 bên thống nhất xử lý.
 - Nếu số dư nợ thực tế không lớn thì DN đủ khả năng trả cho NH
 - Nếu số dư nợ thực tế quá lớn, DN khó có thể trả trong thời gian ngắn thì 2 bên thống nhất xác định lại kỳ hạn nợ trong thời gian xác định và phân chia số nợ trả làm nhiều kỳ.



Cho vay theo số dư (cho vay HMTD không thường xuyên)

- Ngân hàng đồng ý cấp cho DN một HMTD và tiến hành giải ngân nhiều lần trong phạm vi HMTD.
- Mỗi lần giải ngân phải lập kế ước để xác định mức tiền và kỳ hạn trả nợ.
- Tổng số dư nợ cho vay tất cả các kế ước không vượt quá HMTD.



CHO VAY TỪNG LẦN (CHO VAY THEO MÓN)

- Áp dụng cho các trường hợp:
 - Các tổ chức vay không thường xuyên, đột xuất.
 - Không được ấn định HMTD
- Đặc điểm của cho vay theo món:
 - Vốn chỉ tham gia vào một giai đoạn, một quy trình trong chu kỳ SXKD.
 - Ngân hàng tiến hành cho vay và thu nợ theo từng món.
 - Mỗi lần phát sinh nhu cầu vay vốn thì bên vay phải tiến hành các thủ tục vay kèm theo các chứng từ hóa đơn để cán bộ tín dụng kiểm tra.
 - Khi nhận tiền vay, DN bắt buộc ký vào khế ước để cam kết trả nợ trong một thời gian nhất định.



Cách cho vay thu nợ và tính lãi

- Mỗi lần phát sinh DN cần làm giấy yêu cầu vay, số lượng cần vay, mục đích, thời hạn và gửi kèm chứng từ để chứng minh đối tượng vay vốn.
- Có thể giải ngân bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt.
- Thu nợ được thực hiện theo mức tiền và kỳ hạn đã quy định trong kế ước.
- TH1: toàn bộ số nợ chỉ quy định một kỳ hạn. toàn bộ số nợ phải trả một lần vào cuối kỳ và lãi được tính và thu cùng một lúc với nợ gốc.
- TH2: Một khoản nợ được chia ra làm nhiều kỳ hạn, mỗi kỳ hạn là một mức tiền khi ngân hàng thu nợ gốc đồng thời sẽ tính và thu lãi cho vay.



Ví dụ cho vay theo món

- Khoản tín dụng trị giá 1000 được ngân hàng A cho công ty X vay vào ngày 1/8/2008 với thời hạn 3 tháng, lãi suất 1,2%/tháng. Toàn bộ số dư nợ được chia làm 3 kỳ hạn: kỳ hạn thứ nhất vào ngày 12/9 là 320; kỳ hạn thứ 2 vào ngày 12/10 là 330; kỳ hạn thứ 3 vào ngày 12/11 là 350.
- Nếu khoản vay nói trên được hoàn trả đúng hạn theo quy định thì tiền lãi sẽ được tính như sau:
- Tiền lãi = Số dư x Ngày sử dụng x (LS/30)
- Kỳ I: $1000 \times (12/8 \rightarrow 11/9 - 31 \text{ ngày}) \times 1,2\%/30 = 12,400$
- Kỳ II: $680 \times (12/9 \rightarrow 11/10 - 30 \text{ ngày}) \times 1,2\%/30 = 8,160$
- Kỳ III: $1000 \times (12/10 \rightarrow 11/11 - 31 \text{ ngày}) \times 1,2\%/30 = 4,340$
- (Theo thông lệ ngân hàng không tính lãi ngày cuối).



Xử lý không trả được nợ

- Nếu đến kỳ hạn trả nợ bên vay không trả được nợ thì làm đơn gia hạn. Nếu có lý do khách quan chính đáng thì NH giải quyết cho gia hạn. Thời gian gia hạn không vượt quá thời gian cho vay trước hoặc không vượt quá một chu kỳ SXKD.
- Nếu không có lý do chính đáng NH sẽ chuyển thành nợ quá hạn và thông báo cho bên vay biết.
- Trường hợp vì lý do đặc biệt mà bên vay không trả được nợ thì DN phải xin gia hạn đồng thời lập hồ sơ trình cấp trên xin được khoan nợ. Sau khi được Chính phủ khoan nợ thì DN sẽ được tiếp tục vay vốn.
- Khi đến kỳ hạn mà DN không đủ tiền để trả thì NH sẽ thu lãi trước còn bao nhiêu sẽ trừ vào nợ gốc hoặc thu tương ứng gốc và lãi.



CHO VAY TRẢ GÓP

- Đối tượng áp dụng
 - Các DN nhỏ, Hộ gia đình, Cá nhân
 - Buôn bán nhỏ, thợ thủ công, xây nhà, sửa chữa, mua sắm phương tiện.
- Phương thức cho vay
 - Khách hàng và ngân hàng thỏa thuận mức vay, thời hạn vay, lãi suất vay, số kỳ hạn trả góp và cách thức tính lãi.
 - Có thể áp dụng 1 trong 2 cách tính lãi sau:
 - Tiền lãi được tính theo số dư ban đầu (phương thức lãi gộp)
 - Tiền lãi được tính theo số dư giảm dần (phương thức lãi đơn)



Tiền lãi tính theo số dư ban đầu

- Khoản tín dụng trị giá 120.000.000 đồng có thời hạn 12 tháng, lãi suất 1%/tháng, trả góp mỗi tháng một lần vào cuối kỳ.
- Ta có tổng số nợ phải trả là GỐC + LÃI
 - GỐC: 120.000.000
 - LÃI: $120.000 \times 1\% \times 12 \text{ tháng} = 14.400.000$
 - TỔNG: 134.000.000
- Số tiền góp phải trả hàng tháng là
 - $134.000.000 / 12 = 11.200.000$ đồng



Tiền lãi tính theo số dư giảm dần

- Khoản tín dụng trị giá 120.000.000 đồng có thời hạn 12 tháng, lãi suất 1%/tháng, trả góp mỗi tháng 1 lần.
- Gốc phải trả mỗi kỳ là: $120.000.000/12 = 10.000.000$
- Tổng số lãi phát sinh (tính theo số dư giảm dần)
 - Tiền lãi tháng thứ 1: $120.000.000 \times 1\% = 1.200.000$
 - Tiền lãi tháng thứ 2: $110.000.000 \times 1\% = 1.100.000$
 - Tiền lãi tháng thứ 3: $100.000.000 \times 1\% = 1.000.000$
 -
 - Tiền lãi tháng thứ 11: $20.000.000 \times 1\% = 200.000$
 - Tiền lãi tháng thứ 12: $10.000.000 \times 1\% = 100.000$
 - Tổng cộng: 7.800.000 đồng
- Tổng số gốc + lãi = 127.000.000 đồng
- Tiền góp phải trả mỗi kỳ là $127.000.000/12 = 10.650.000$ đồng
- Trong cho vay trả góp nếu lãi được tính theo số dư ban đầu thì người đi vay phải trả một mức lãi suất cao hơn mức lãi suất NH công bố.